

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 8

PHẦN HẠ

GIẢI THÍCH PHẨM PHÁP SƯ

Giải thích phẩm này chia làm hai: Đầu tổng giải thích, sau biệt giải thích. Văn đầu lại có hai phần:

- 1) Giải thích năm hạng Pháp sư.
- 2) Giảm số giải thích.

Phần đầu lại có hai: Đầu, xuất kinh luận dùng biện rõ ly hợp có không. Tiếp, phán xét Thông Biệt để kết phẩm danh. Trong phần đầu lại có hai:

- 1) Y kinh này phân biệt làm năm.

2) “Đại luận...”: là nêu xuất khác giải thích danh, đối nay để biện nghĩa ly hợp có không. “Cho đến như...”: là giảm số để giải thích cho nên hoặc nhiều hoặc ít, đều gọi là “Pháp sư”.

“Năm hạng đầu nêu Pháp sư”: Chưa có một văn nào biên soạn nói một, hai hạng Pháp sư, xưa nay cùng lập xưng làm năm hạng Pháp sư, kinh luận lập nhiều ít không đồng, do đó phẩm đây chỉ gọi chung là Pháp sư. Thiên Vương Bát-nhã nói: Thọ trì kinh này có mười thứ pháp:

- 1) Viết chép.
- 2) Cúng dường.
- 3) Lưu truyền.
- 4) Lắng nghe.
- 5) Tự đọc.
- 6) Nhớ trì.
- 7) Rộng nói.
- 8) Tụng.
- 9) Tư duy.
- 10) Tu hành.

Trong mười thứ thì thứ nhất là hạng thứ năm của kinh này. Thứ tư, thứ sáu là hạng nhất. Thứ năm thì đây hạng hai, thứ tám thì đây hạng ba, thứ bảy thì đây hạng tư. Lưu truyền thì nhiếp trong văn rộng nói, ba thứ còn lại đều nhiếp trong văn nhớ trì. Kinh kia Úc (nhớ) chỉ là thọ. Trong Đại luận phân “Thọ trì” làm hai, thì nên không được riêng nói “nhớ trì”. “Đây biệt luận...”: phán xét thông biệt để kết phẩm danh, trong đó trước phân tự tha để biệt địa vị Sư. Nói “Đại kinh phân chín phẩm...”: Vốn là biệt nghĩa, tạm mượn để chứng minh năm hạng Pháp sư. Chín phẩm chỉ là Hy liên và Bát hằng. Thứ tư thường rộng nói, trong 16 phần giải thích nghĩa một phần, nói 4 trước không giải là: 3 hằng và hy liên, 5 hằng 8 phần, 6 hằng 12 phần, 7 hằng 14 phần, 8 hằng đầy đủ giải tận nghĩa kia, cho nên phải từ năng giải một phần nghĩa trở đi! Năng vì người khác nói tức là địa vị Sư.

Tiếp, “Thông luận...”: là xả biệt theo thông, tự tha đều đắc thọ danh phẩm này. Theo nghĩa thông biên không có một câu không đảm nhận làm Sư.

Tiếp, “giảm số” giải thích lại có bốn: Nghĩa là bốn-ba-hai-một đều là triển chuyển tóm lược nhiều thành ít đều là Pháp sư. Nói “Như sau thuyết” đầy đủ như trong phẩm An Lạc Hạnh ban đầu giải thích bốn hạnh. Bốn hạnh đã chỉ pháp sư, ở đây lẽ ra dùng bốn hạnh này để kết tên phẩm, văn không có tức lược. Đã có trước sau, trong đó theo lệ có thể biết. Nếu muốn biết thì chỉ là: trước phán xét thông biệt. Tiếp từ thông bốn để kết tên phẩm, tóm lược bốn thành ba.

Lại chia làm ba ý: 1) Ba nghiệp; 2) Ba môn; 3) Ba pháp. Mỗi mỗi đều trước là giải thích, tiếp là phán thông biệt để kết tên phẩm. Tiếp, Tóm lược ba thành hai: Nghĩa là tự hành hóa tha. Nói “không thọ ký lại”: căn cứ trước thì có thể biết cũng là trước giải thích. Tiếp, phán thông biệt để kết tên phẩm, do tự tha đây đã khắp ở ba trước, cho nên biết tự tha cũng có thông biệt. Biệt luận đều biệt thông luận xen lẫn thông, tự tha đều xen nhau kham nhận. Nay thông từ hóa tha cho nên gọi là “phẩm Pháp Sư”. Tiếp, Tóm lược hai thành một: Nghĩa là Như Lai hạnh đủ tất cả hạnh, đây y văn Đại kinh phẩm Thánh Hạnh nói. Lại có một hạnh là Như Lai hạnh, cái gọi là Đại thừa Đại Bát Niết-bàn; Niết-bàn chỉ là ba đức bí tạng cho nên nay dùng nhà tòa áo ba thứ để giải thích ba đức. Ba đức chỉ là một đại Niết-bàn. Đại Niết-bàn đây khắp tất cả nơi, khắp tất cả pháp, tổng gọi là Nhất.

Trước, giải thích. Tiếp, chỉ rộng. Trong phần giải thích chia làm hai: Đầu thông sau biệt. Thông: một hành thông đủ ba pháp: nhà tòa

áo. Biệt đối chia làm hai: Trước đối, sau liệu giản. Văn đầu lại có chín, trong đó đều dùng ba pháp đối các pháp:

1) Đối tượng thiện ác và động.

2) “Lại từ nhãn...”: là phước tuệ. “Trí tuệ là mắt...”: cũng nên nói mắt chân đầy đủ ắt có chỗ nương, chỗ nương đủ hai.

3) “Lại, từ bi...”: là đối bài xích thiên kiến tà, cũng có hai: trước là giải thích, tiếp là dẫn kinh Tịnh Danh làm chứng, thắng Thiên tà, dừng mãnh tu Viên.

4) “Lại, từ bi...”: là phá bốn ma, cũng có hai: trước là giải thích. Trong giải thích đều phải căn cứ ngoại giới viên giải thích. Tiếp là dẫn chứng Không, “vân vân” là: giải thích nêu xuất ý kia.

5) “Lại, từ bi...”: nêu đủ hai thứ nghiêm vẫn làm hai giải thích, chỉ là dịch ngược trước giải thích, căn cứ sau vọng trước, trước nên nói từ nhãn.

6) “Từ nhãn...”: căn cứ thí dụ phá lập... đủ hai theo lệ trước.

7) “Lại, từ bi cho nên đâu có...”: là căn cứ thể dụng: Dụng tức lìa lỗi.

8) “Xuất ba đế...”: là căn cứ danh, không đồng thứ lớp ba đế. Nhà từ bi bao hàm áo nhãn nhục Tam-muội.

9) “Kinh nói...”: là dẫn kinh, Vô tướng là tòa.

Phần tiếp, chỉ rộng: nói không thể hết. “Vân vân” là: đầy đủ như trong Huyền Văn nêu đủ năm hạnh nhiếp tất cả hạnh, cũng như trong Chỉ Quán nói mười thừa mười cảnh ngang dọc khắp thân, và pháp môn ngang dọc trong khắp phá, cho đến bốn thứ Tam-muội thân tất cả hạnh. Tất cả hạnh chỉ là một hạnh, cho nên làm chín văn để giải thích. Tiếp, “Hỏi...”: là liệu giản. Đầu hỏi: Căn cứ ban đầu giải thích phẩm thì nên nói năm hạnh, căn cứ sau giảm số thì nên nói một pháp. Vì sao chỉ dùng áo, tòa, nhà ba thứ mà đối các pháp ư? Đáp: Căn cứ sự hiển lý cần phải đủ ba pháp, hướng chi y văn hiện tại nên đủ ba pháp bèn vì chúng nói. Cho nên đủ sự lý hai - ba mới có thể nói pháp. Cho nên trước là sự giải, tiếp là sự lý hợp, sau riêng ước lý. Sự giải như văn. Trong hợp thích nói ba môn: thì hai môn đầu thuộc sự, môn thứ ba thuộc lý. Sự lý đều là cảnh sở mê. Đầu tiên, căn cứ khổ quả cho nên dùng Từ bi môn, khổ phải cần cứu. Tiếp, căn cứ kết nghiệp, cho nên dùng Nhãn môn, y lý lìa. Sau căn cứ đế cảnh cho nên dùng Không môn khéo an trú nơi Không. Thứ ba, riêng căn cứ lý: Lý tức đế lý cho nên căn cứ ba đế, tức hướng thứ ba đủ ba đế. Nói “vân vân”: lẽ ra dùng nhiều thứ ba pháp đối giải thích ba thứ đây khiến thành viên dung thông thích hợp tự tại, chính là

biết văn đây nhiếp tướng giáo khắp. Cho nên bên dưới tổng căn cứ giáo, nói: Phạm có nhiều cách giải thích phẩm đều căn cứ Viên giáo.

“Tiếp, Pháp...” là biệt giải thích. Hai chữ “Pháp Sư” thông suốt từ trên xuống tất cả các giải thích. Do các pháp trên là pháp của Sư cho nên nay thích danh cũng căn cứ hai hạng, cho đến năm hạng. “Nếu tự...”: là giải thích theo Nhân duyên. Đầu tiên tự tha không đồng, tức Thế giới, tức tự dùng phép tắc dạy bảo người. Tự hành thành tựu tức Sinh thiện. Hóa tha, trừ ác tức Đối trị. Tự tha đều đặc gọi là Pháp sư, là Đệ nhất nghĩa. “Phạm nhiều thứ...”: căn cứ giáo như trước nói nhiều thứ không thể thãm nhuần các giải thích khác. “Ngoại phạm...”: là nay văn chánh giải thích. Nếu vậy thì cùng xưa có gì sai biệt? Đáp: Nay nêu rõ vì tự tha nên khác với Thanh-văn. Tự hành không có lo lắng bị đui nhục nhã. Lợi tha không có sức, yếu đuối hèn kém, nên chỉ có một phần thoái mất tự như xưa, cho nên nói “chưa hẳn”. Nói “ngoại phạm” đến “không lo nguy khổ”: Ngoại phạm năm phẩm vui thích phước hồng thông pháp, Thanh-văn nhất hưởng tuyệt dứt tâm lợi vật, nghe các đại sĩ bị chúng xua đuổi, tự nhìn lại mình chưa đủ sức lực, nếu không nương tựa phước đó thì bên trong ô nhiễm tịnh quán, bên ngoài chiêu cảm sự chê trách, mất đạo lợi người. Cho nên, đức Phật vì họ nói bốn An lạc hạnh khiến không phải lo ấy, xa lìa mười sự náo kia nên nói “không lo”. Vừa chứng minh vừa trợ giúp: Bảo tháp chứng kinh cho nên đến, phân thân trợ khai cho nên chúng tập. Do chứng do trợ nhân vì ngưỡng mộ lưu thông. “Lại, chỉ bày phương pháp lưu thông kinh”: Mặc áo... ba thứ đầy đủ như sau nói. “Nhân bảo...”: Vốn nhờ Dược vương nhân đây bảo chúng khác, kinh này lưu thông. Đầu tiên, “bảo tám vạn Đại sĩ”: Đại luận nói: Pháp Hoa là bí mật phó thác cho các Bồ-tát. “Như nay...”: là văn gọi hạ phương, còn đợi bản quyền thuộc, nghiệm biết họ chưa kham nổi. “Tổng biệt ký”: Tổng làm bảy trăm, biệt làm kiếp quốc...

“Cho đến nhất niệm...”: Nương niệm đây chắc đặc Bồ-đề, nhân viên không mất nhờ đây mà phát sinh, không đồng thiện khác cho nên chọn lọc. Luận cho cùng ắt phải tận hành đạo pháp của chư Phật, nhi thừa được thọ ký rồi còn trải qua kiếp số. Nhưng hiểu ý chỉ của kinh cùng đầy đủ có gì sai khác? Chỉ tự hành hóa tha khiến từ đầu đến cuối mà thôi. “Nghe một câu kinh một bài kệ”: Thông luận chỉ nói nghe pháp rất ít, nêu ra công sâu hồng kinh, trong bộ tùy lấy một câu một bài kệ. Biệt luận khiến nghĩa hợp lưu quyền thật bản tích thập diệu, Tứ nhất. Công phước đều như vậy. Nhưng nghĩa thông Đại tiểu, cho nên dưới dẫn “Tăng Nhất Tập nói: Như dòng Tứ đế” cho đến dẫn “bốn

An lạc hạnh”... Nay cũng căn cứ theo đây. Nói “đều thọ ký cho”: Ất do kinh này thành Bồ-đề, tuy không có kiếp quốc mà sẽ được lý đồng, trong đây chấp nhận dùng Biệt thời ý thú, vì thế nên cần phải dùng nghe. Căn cứ hạnh, rộng nêu cúng dường, tuyên giảng thông lợi ích tha, nội quán đầy đủ, đủ như trong Chỉ Quán. Lẽ nào có thể chấp tay ngay ngắn chỉ ngưỡng mong sơ tâm? Trung thượng cũng vậy. Nếu không như vậy thì lẽ nào có thể chu thượng chỉ tại một người, chu trung bốn người được thọ ký ư? Nói nhờ vào việc đây bèn thông đến kia cho nên nói “cũng vậy”.

“Kinh Kiến Thật Tam-muội...”: quyển 4 nói: Trước thọ ký Bát bộ; tiếp quyển năm phẩm Không Thiên nói Không hành chư thiên thấy Bát bộ cúng dường được thọ ký, tức liền cúng dường đều được thọ ký, đồng tên là Hỏa Trì. Tiếp, Tam thập tam thiên trong phẩm Thọ Ký nói: Có tám ức chư thiên Đao-lợi thấy chư thiên trước cúng dường được thọ ký nên cũng hóa làm đồ cúng dường đầy đủ đồng thời được thọ ký tên là Nhân-đà-la Tràng, nói pháp như huyễn. Tiếp phẩm Dạ-ma Thiên có bốn ức Dạ-ma cũng thấy chư thiên cúng dường được thọ ký cũng dùng hóa sự và dùng nói kệ, cúng dường Phật rồi đồng thời được thọ ký đồng tên là Tịnh Trí. Nói “Câu-dực” : Kinh kia không có, e rằng lầm lẫn.

“Quán tâm”: Dùng nhất thật quán xuyên suốt những pháp tụng kia, cho nên gọi là nhất, là không một câu kệ nào không nhập thật. Nói “vân vân” là: nên nêu rõ tướng nhất quán. Cho đến Đại sư tụng kinh quán pháp, trở lại căn cứ tụng trì để thành tướng quán tư duy vi tế. Khuyến phát bốn ý:

- 1) Chư Phật hộ niệm.
- 2) Gieo trồng gốc đức.
- 3) Nhập chánh định tụ.
- 4) Phát tâm cứu hết thủy chúng sinh.

Văn dưới cũng dùng bốn pháp đối khai thị ngộ nhập. Tuy là Tích cần thiết mà hiển bản rồi tức thành bản cần thiết, đầy đủ như dưới biện rõ.

“Hỷ tâm có hai”: Ngang dọc hai giải thích lại có hai:

- 1) Chánh giải thích.
- 2) Dung thông.

Đầu tự hai: Đầu tiên luận dọc: tùy hỷ chia làm ba:

- 1) Tức quyên mà thật.
- 2) “Tức nơi...”: là song phi, song phi tuy không khác đối với hương thật, lại năng giải thật tức song phi. Đầu, trong nhất niệm: Không phải

chỉ cần trải qua thời gian một niệm mà chỉ nhất tâm pháp, gọi là “nhất niệm”. “Tin Phật tri kiến”: Ở trong sơ tâm tin sâu diệu lý, lý đây đã là cảnh tri kiến Phật, cảnh chẳng quyền thật cho nên gọi là song phi, dùng lý hưởng về nghe, nghe cạn lý sâu cho nên gọi là đọc, đây tức vị tướng sơ tùy hỷ.

3) “Lại năng...”: hưởng song phi lại song chiếu, sự lý viên dung tức gọi bí tạng. “Đây đủ phiền não...”: tuy chưa nhập phẩm mà cũng có thể thông chứng, đây đủ tánh phiền não năng biết. Phiền não vọng tạng, tạng sâu hoặc cạn cho nên cũng gọi là đọc. Tiếp, “Lại, nếu nghe...”: là ngang luận tùy hỷ. Trở lại chỉ trước bất nhị quyền thật, cho nên nói “nếu nghe...”.

Bốn pháp ngang luận để giải thích tùy hỷ:

- 1) Tâm.
- 2) Pháp.
- 3) Thuyết.
- 4) Người.

Nói “tâm”: Tức dùng nhất tâm hưởng đến tâm khác, gọi đó là ngang. Trong đây nhất tâm không còn có các tâm khác, cho nên văn dưới nói “tức ngang mà đọc”. “Và nhất thiết pháp”: Dùng nhất thiết tâm vọng nhất thiết pháp, cũng gọi là ngang. Nhất tâm nhất pháp đều là duyên ngang, pháp thuần là tâm, tâm thuần là pháp. Cho nên dưới kết nói: “Ngang tức là đọc”. Trong đây tự nói đều là Phật pháp. Phật pháp về lý hợp ngang đọc bất nhị. “Nếu muốn...”: tiếp, căn cứ “thuyết”: Năng rộng phân biệt mỗi một tâm pháp.

“Một tháng, bốn tháng đến một năm”: Tuy văn dẫn ý căn mà chẳng phải là địa vị lục căn thanh tịnh. Nay lại dựa theo quán, “tuy chưa...”: căn cứ nhân có thể thấy. “Dẫn Đại kinh”: Đây nhất niệm ban đầu chính đang nghe ít hiểu nhiều, cũng gọi là nghe nhiều hiểu ít, cho nên lại nêu. Do bài xích nghe nhiều mà không biết nghĩa, sau sẽ lại nói. Tại quyển kinh thứ 6, ban đầu nói “thượng hạ phẩm sư” là chỉ căn cứ phạm vị để phán xét. Mười thứ cúng dường:

- 1) Hoa.
- 2) Hương.
- 3) Anh lạc.
- 4) Hương bột.
- 5) Hương xoa.
- 6) Hương đốt.
- 7) Phướn lọng.

- 8) Y phục.
- 9) Kỹ nhạc.
- 10) Chắp tay.

Âm nhạc như trước đã giải thích.

Tiếp, “Được vương... người ấy tự bỏ nghiệp báo thanh tịnh”: Do bị nguyện dẫn dắt, vẫn là nghiệp sinh, chưa có thông ứng. Nguyện kiêm nghiệp, đầy đủ như trong Huyền Văn phẩm Quyển Thuộc nói. “Như Thích luận nêu hữu tuệ vô văn...”: Kệ đây và kệ bốn Pháp Sư, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển một nói. Cho nên, biết cũng chấp nhận là hoằng pháp. Ở trong nội giáo rộng huân tập nghĩa sai khác để trợ giúp chánh giáo. Thế gian có huân tập sách thế tục mà nói trợ chánh, thì trái lại vương vít đến lý. “Nên biết người ấy...”: Như vua sai truyền lệnh. Nếu ứng phó theo tâm chủ thì nên được gọi là “sứ”, được gọi là “sở khiển”. Đầu, “Kinh là Như trí sở thuyết...”: là giải thích Như Lai năng khiển, năng khiển là giáo. Tiếp, “Ngày nay...”: là giải thích sở khiển, sở khiển là người. “Làm việc của Như Lai...”: là giải thích sự việc được sai khiển. Trước, căn cứ tự hành giải thích sự, Đức Phật không có các việc khác, chỉ chuyên chiếu lý. Tiếp, “Ngày nay...”: ta nay chỉ làm việc của Như Lai, chân như là lý, chiếu tức gọi sự. “Nhất như trí...”: là căn cứ hóa tha giải thích. Như Lai lợi vật do cảnh trí bao hàm, trở lại nói lý đây, lấy làm hóa sự, cho nên biết Đại bi trở lại y Như lý chiếu Như thuyết Như, gọi là Như Lai sự. “Ngày nay...”: y lợi tha này gọi là “hành Phật sự”. “Phật thì bình đẳng, việc ác không hề hấn”: Nếu vậy cúng Phật không có phước, thì đâu cần cúng Phật? Hủy Phật không có tội thì đâu cần chế tội ư? Đáp: Thật ra điều ấy chỉ là để so sánh, hướng đến nói không thể luận phước điền tốt xấu. Nếu căn cứ (phước) điền mà luận thì phạm xấu thánh tốt, cho nên nếu chê cúng dường thì là nặng ở phạm. “Ví như” đến “đều nhẹ” cũng căn cứ sơ tâm để thành hoại mà nói. Nếu căn cứ điền mà nói thì nghĩa theo lệ có thể biết. Như trong tám hạng phước điền thì chăm sóc bệnh là hạng nhất, người phân nhiều chán ghét cho nên người chăm sóc thì phước tăng, đây chính là căn cứ tâm khó dễ. Nếu căn cứ điền tại sự, thì lẽ nào một người bệnh so với Đại thánh và diệu pháp ư? Như giúp kẻ thất phu và hiến cúng người chủ, thì cách nhau trời vực, ân thất phu không thể tự che, ân chủ thấm nhuần đến muôn dân.

Tứ Tất thích nghi không thể nhất định, nhưng căn cứ công cao lý tuyệt của kinh này, thì được nói như đây, các kinh khác không như vậy. “Gánh được cái gánh trên vai Như Lai...”: Phật đặc quyền thật và

phi quyền thật, ta cũng đắc pháp ấy tương xứng Phật đắc, vậy thì nghĩa tương đương gánh được cái gánh trên vai trên lưng của Phật. Cũng là dùng các pháp quyền thật của Phật, gọi là gánh được cái gánh trên vai trên lưng của Phật. Cũng là chúng sinh thường gánh nơi vai lưng, thường ngày sử dụng mà không biết. Các kinh khác không như vậy cho nên cần phải nói. Nếu không như vậy, thì lẽ nào người trì kinh mà gánh được trọn cái gánh trên vai Như Lai. Thế nên văn đây cần phải phớt bỏ giải thích theo sự. Nếu không biết văn này thiết lập khai quyền thật, thì dù dùng tên quyền thật để giải thích kinh cũng chưa biết được diệu chỉ này. Kinh nói “nên đem thiên bảo (báu cõi trời)...”: trước đã nêu đồ cúng dường bậc thượng trong loài người, tiếp là dùng báu trời để so sánh, còn dùng báu trời phụng hiến cho nên nói “nên đem”, hướng chỉ đồ cúng dường bậc thượng trong loài người. Có người nói người Tây phương đề cao những gì tốt nhất (thắng) đều gọi là thiên. Nếu vậy thì trước nói “đồ cúng dường bậc thượng trong loài người” tức là thiên cúng, tại sao lại nói nữa?

Trong trường hàng đầu tiên tán thán pháp sở trì...: Trước căn cứ năng trì tức lợi tha tin, chê để chọn người, đây nêu sở trì thì nêu nhân (người) xứ nhân quả để tán thán pháp. Trong đó trước liệt kê năm chương, tiếp nêu sinh khởi, cho nên biết nhân (người) pháp xứ ba thứ xen nhau hiển sáng mới thành nhân cảm quả. “Có sự...”: là thuật giải thích khác. “Kinh tán thán Pháp Hoa” đến “thiếu một chi tiết”: là phá. Chỉ lập quá khứ, vị lai để làm sở hiệu (đối tượng khảo sát), tức dùng Pháp Hoa làm hiện tại làm năng, sự đây thiếu sở hiệu trong đó cho nên nay nói “thiếu một chi tiết”. “Vân vân”: y dưới văn đây giải thích chi tiết xuất hiện. “Nay đầu...”: Trong đây chánh giải thích, trước liệt kê ba thời ở ngoài Pháp Hoa. Tiếp, “Đại Phẩm...”: nêu ba thời không bằng Pháp Hoa. Cho nên dùng Pháp Hoa nhân (người) pháp hoàn toàn khác các kinh. Nếu không như vậy, thì phá là muốn bài xích bề gãy vi diệu của Pháp Hoa, chê bai ở trong đó thì sao thành hoằng dương tán thán? Gia Tướng còn vậy, huống chi các người khác! Đại Phẩm... “đời”, đủ như Huyền Văn, mỗi một chi tiết nêu rõ năm vị. Nếu không như vậy thì làm sao biết từ xưa chưa từng hiển thuyết? Tạng bí mật không vọng trao cho người, vì có nhiều oán hiềm... “Đương phong”: Pháp Hoa ở trước như trận lớn khó phá, Niết-bàn ở sau như các phe đảng không khó. Đầu tiên phong phá trước, việc này làm không dễ. “Kinh này nói đủ” đến “cũng tức là tạng bí mật”: Đầu là khai quyền cũng tức là bên dưới hiển thật. Quyền tức là thật, cho nên nói “cũng tức”. “Khi Như Lai... oán ghét”: Tư duy việc

các đời trước là “oán”, ganh thiện hiện tại là “ghét”, nên chướng chưa trừ là “oán”; không ưa nghe thì gọi là “ghét”. Nay thông luận: Tích môn thì coi “Nhị thừa và độn căn Bồ-tát” là “oán ghét”. Năm ngàn người đứng dậy đi chưa đủ đáng ghét (hiêm). Bản môn thì coi “Bồ-tát trong đó lạc cận thành tự” là oán ghét (hiêm). Toàn chúng đều không biết, đâu được cho là lạ? Nay vẫn tại tích, ý thì có thể thấy. “Lý tại khó hóa”: là nêu rõ lý đây, ý ở chỗ khiến biết chúng sinh khó hóa.

“Tứ tín...tam lực”: Trong văn có hai giải thích cùng hiển bày một ý: Đầu đối ba đức, tiếp đối ba pháp, cho nên Tứ tín là hạnh mở đầu, tứ hoằng là năng dẫn dắt, đại trí là năng khai. Cho nên tứ tín đây cần phải căn cứ Viên thừa, nghĩa là nhất thể Tam bảo nhất niệm thập giới mới là đứng đầu Viên môn tứ hoằng. Cho nên văn tiếp nói: “Tín thì tin lý, lý tức pháp thân”. Nếu có pháp thân thì có lý tánh nhất thể tam bảo. “Chí nguyện là lập hạnh”, tứ hoằng đại thế lập tất cả hạnh. Pháp thân căn cứ sở tín, các hành căn cứ sở dẫn. Gốc các thiện tức là Bát-nhã, cho nên trong sở tín có đủ bốn pháp. Đã đối ba đức, tức từ thắng lập tên. Nếu không như vậy thì đâu có được chư Phật cõi này cõi khác hộ niệm! “Hàng sơ tâm ở đây...”: Đây dùng sở biểu như nghĩa gánh vác ở trước. Nếu không như vậy thì sắc thân “cùng ở chung” cho đến “xoa đầu” là bất tịnh, đối lý đâu có lợi ích? Các xứ sinh, đắc đạo chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn... đầy đủ trong Chỉ Quán quyển bảy nói Hóa thân tám tướng. Đây bốn tướng xứ còn nên xây tháp hướng chi chỗ có năm hạng Pháp sư và kinh này hiện hữu, tức là pháp thân bốn xứ đều nên xây tháp, hướng chi kinh nói “trong tháp thì đã có pháp thân toàn thân xá-lợi”. Cho nên, dẫn luận chứng Sinh thân và Pháp thân xá-lợi đều có toàn thân và toái thân. “Vân vân” là khiến giải thích ra bốn tướng. Sinh thân xá-lợi toàn và toái như đức Thích-ca, Đa Bảo. Pháp thân xá-lợi có hai: Các phương tiện giáo là pháp thân xá-lợi toái, Pháp Hoa nhất thật là pháp thân xá-lợi toàn. Bốn giáo năm thời, tùy chọn có thể thấy. Cho nên biết các kinh chỉ là phân nửa tướng toàn toái. Chỉ có kinh Pháp Hoa đây, pháp thân toàn thân hoàn toàn không có pháp khác, vì đều nhập thật.

Nhà Chú thích nói: “Trước coi người là mục đích (cá, thỏ) nên ngang bằng công của thân trượng sáu, nay coi ngôn từ là phương tiện thuyên đề (nơm lưới), cho nên cùng xá-lợi đẳng diệu”. Nếu kia không chọn lọc sự thô diệu của ngôn từ lại cùng sắc thân ngang công. Kinh này đâu khác A-hàm, Bà-sa! Cho nên biết, nhà chú giải kia không hiểu người trì và pháp, Phật cùng ở, không biết sở trì và pháp thân giới (cõi)

ngang bằng. Cho nên, trong mười bảy tên của kinh Pháp Hoa, có một tên gọi là Kiên Cố Xá-lợi, toái thân xá-lợi thì thân giới không được gọi kiên cố. “Xảo (khéo) độ”: Như Chỉ Quán quyển sáu viết giải thích Xảo chuyết hai độ. Đại luận kia vẫn chung dùng Diễn môn làm “xảo”, nay riêng dùng Nhất thật làm “xảo”, thì có hai thứ: Đầu, liệt hai văn. “Nay nói...”: là lựa chọn ý đầu. “Lại vọng...”: là giải thích cận đương thể, trước căn cứ Thiên làm viễn, dùng Viên làm cận. Tiếp, “Nay dùng...”: là hiểu rõ ý chánh của văn, dùng nhất như thật trí làm nhân, hướng đến cận viễn hai quả Bồ-đề, cho nên nhân nêu cận quả. “Đạo tiền chân như” đến “làm Liễu nhân”: Đây dùng tu đặc đối chánh nhân kia. Duyên, Liễu trong chánh đồng thành Chánh nhân. Chánh nhân trong tu đồng thành Duyên Liễu. Căn cứ chân duyên liễu, cũng gọi “tức chân duyên liễu”, đều có thể nói “chân như duyên liễu”. Toàn tánh là tu, tức nghĩa đây vậy. Chỉ có pháp này, thế pháp không thể nhiễm, ma không thể hoại, nhị thừa không năng diệt. Đây chính dùng Bạc địa làm Đạo tiền, phát tâm về sau làm Đạo trung. Vị đạo trung phân làm hai: Sơ trụ về trước là Duyên, đặng trụ trở đi là Liễu. Một vị phân làm hai, cho nên gọi là “cũng”. Diệu giác chứng về sau, gọi là Đạo hậu, cùng trước có chút sai khác đối văn phân biệt, nên trong Thí dụ ắt phải giáo quán hai lớp mới tận lý kia. Giáo quán tùy theo cùng hiển diệu kia. Giáo quán nếu thiên thì cả hai đều không có lực. Đầu, “căn cứ Quán” trong đó đầu tiên tổng nêu quán. Nói tuy thông các mà ý lại tại Viên. “Y Thông quán...”: trải qua giáo nêu quán, câu thể lý đồng cho nên lược bớt Tam tạng. “Pháp Hoa luận...”: Thủy (nước) như Phật tánh, nhận lấy không đồng nên nói “thứ lớp”, tức các giáo, quán tướng cận sâu không đồng, cần phải hiểu rõ ý chỉ kia cho nên nói “phải biết”.

Trong phần “Căn cứ Giáo” có hai: Cũng trước là tổng nêu. “Tam tạng giáo môn...”: biệt căn cứ bốn vị, nay luận bắt đầu tiêm cho nên đầu tiên nêu Tam tạng. Hoa Nghiêm, sau nêu trước trong căn cứ quán. Đã nương bốn giáo cho nên nay căn cứ mùi vị để hiển bộ vi diệu. Nếu trong Chỉ Quán lại căn cứ bốn giáo. Lý cũng như vậy. Huyền Văn, tất cả đều trước căn cứ bốn giáo. Tiếp, dẫn “kinh Hoa Nghiêm” chứng minh được “nước” đồng. Tiếp, “Có người...”: Năm nhà, bốn giải thích. Ba nhà đều căn cứ năm thời để giải thích. Nhưng dùng thời không tận (hết) và không thứ lớp. Trong tiêm giáo nhà thứ nhất bỏ qua thời đầu và thời thứ ba. Nhà thứ hai bỏ qua hai thời đầu và thời thứ tư. Nhà thứ ba tuy dùng Đại Phẩm tại sau Tịnh Danh, cũng bỏ giáo trước và trái năm thời. Sinh công cùng người chú giải: Toàn trong thời Pháp Hoa phán xét

cũng chưa hoàn toàn đúng còn bị người khác phá. Cho nên nói: “Cách Phật có xa gần...” Chính do ba sư trước đồng dùng năm thời làm một giải thích, Sinh Công và người chú giải, đồng đối Pháp Hoa làm một giải thích. Nay sư chấp nhận ý phá này, cho nên chép ra. Ý sư đây muốn phán xét bốn giải thích của năm sư trước, tức trước ba sau hai, cả hai theo lệ phá. Cho nên ba nhà trước dùng các kinh cách Phật xa, đối Pháp Hoa về sau đều dùng Phật quả mà làm thanh thủy (nước trong). Cho nên biết ba sư cách Phật xa.

Một giải thích gần: Hai sư sau căn cứ Pháp Hoa luận viển cận (xa gần), bắt đầu từ đất khô, cuối cùng đến nước trong, đều ở thời Pháp Hoa. Nếu vốn y thật giáo, thì đạo lý như vậy. Nếu dùng thật đối quyền thì lý không hoàn toàn như vậy. “Tìm kinh...”: Sư nay hòa hội, do ba Sư trước chỉ ở các giáo trước, không có nước trong. Lại dùng năm thời đều có lỗi tiểu, hai giải thích sau chỉ ở trong Pháp Hoa để luận cận viển. Lỗi nơi khai quyền, Pháp Hoa về trước là sở khai. Sư nay đưa ra hai nghĩa căn cứ giáo, và căn cứ (mùi) vị. Căn cứ giáo: tức đối ba giáo trong tiếm giáo trước là thô, cho nên lại phải chỉ có căn cứ Viên trong Pháp Hoa để giải thích. Căn cứ (mùi) vị: thì đối trong bốn vị trước, chưa chuyển là thô. Đến vị thứ năm giáo tuy đã chuyển, hoặc hành chưa nhập, cho nên cần phải đối vị thứ năm làm giải thích viển cận. Cho nên hai giải thích thiếu một nên không thể. “Hỏi: Các kinh...”: Người khác hỏi giải thích đầu trong hai giải thích trước. Nhân hướng người khác phê phán giải thích của ba sư trước rằng các giáo cách Phật xa. Căn cứ trong văn “Đáp”, đáp đầy đủ nghĩa viển cận. Cũng nên hỏi đủ hai ý viển cận. Căn cứ thuần Bồ-tát và người Nhị thừa thì chuẩn theo ý vốn hóa độ, vốn câu Phật quả đối xưa chưa khai quyền, cơ chưa chuyển cho nên nói “chưa quyết”.

Tiếp, “Hỏi: Kinh Bát-nhã vì sao cách Phật xa?”: Xưa nay cũng chấp nhận Bát-nhã năng sinh A-nậu Bồ-đề, vì sao cũng cùng các kinh đồng xa? “Đáp” ý: Đại chỉ đồng trước nhưng phân hai nghĩa: Trước căn cứ cộng Bồ-tát đồng nơi Nhị thừa, chưa khai quyền biên thì gọi là “cách Phật xa”. Tiếp, “Xét Bát-nhã...”: lần nữa lại thuận hỏi đáp, Bát-nhã chẳng cách Phật xa, năng sinh Phật pháp có gì xa? Do đầy đủ Quyền Thật hai tuệ, cho nên nêu thí dụ nói: “Như người bệnh...”. Người bệnh: Bồ-tát mới phát tâm trong Cộng Bát-nhã. “Lưỡng kiện”: Là hai tuệ. Do hai tuệ đây khiến đến Bồ-đề cho nên nói: “Khấp có thể đi xa”.

Nói “tối thắng”: Ý tại bất cộng, đồng nơi Pháp Hoa nên tạm nói “thắng”. Cho nên nói Pháp Hoa khai quyền không khác Bát-nhã hiển

thật, nên khai quyền cùng hiển thật như trái, phải hai bên khác tên. Pháp Hoa trở lại khai quyền trong Bát-nhã, nhập Bát-nhã thật, cho nên nói không khác và dùng tên khác, do đó thông luận. Tức là bất cộng Bát-nhã cùng Pháp Hoa chủng trí tại sao khác? Căn cứ “Đối Bất đối, Khai vị (chưa) khai” biệt. Không thể không có đồng khác. Các sư toànthuận nghĩa này, nên chỉ thẳng chép ra đây mà không luận phá. “Bồ-tát...”: hợp thí. Văn đã căn cứ Pháp Hoa mà nói cho nên có thể y trước lấy làm hai giải thích. Trong giải thích “khai phương tiện môn” dùng giải thích trước, rộng dẫn liệu giản, đây là đại chỉ của Tích môn. Đại chỉ đây nếu nghiêng đổ thì lấy gì lưu thông? Trong đó trước nêu Quang Trạch, tiếp riêng phá, nói “chính là phá, chẳng phải khai”. Do Quang Trạch nói “phế trừ giáo xưa”; không nói “chính là” nên, nghĩa khai không thành. Lại, do Quang Trạch nói “xưa biệt chỉ Lộc-uyển”, cho nên biết hiểu rõ giải thích lời nói ấy không dễ dàng. Do một chữ trừ có tiện làm Tạng hay không? Gia Tường cũng nói: Khai nhị chủng là phương tiện, Thị (chỉ bày) nhị chủng là chân thật. Xưa không nói nhị chủng là phương tiện cho nên môn bế. Nay nói nhị chủng là phương tiện, cho nên phương tiện môn khai. Nay nghĩa khai khéo thành. Nhị bèn trái giáo, Kinh nói: Đức Phật dùng sức phương tiện chỉ bày dùng tam thừa giáo, đâu từng chỉ có hai? Nay văn còn có năm, bảy đều khai, đâu chỉ có ba ư? Nhưng đây chính là văn lúc chưa sửa đổi bèn khiến người sau hỗn tạp sử dụng. “Hà Tây nói: Thẳng gọi ba là phương tiện”: Ý nói xưa cho là thật không hy vọng nhập thật, cho nên môn kia còn đóng. Nay cho là phương tiện có hy vọng tiến đến thật, cho nên môn kia gọi là khai.

Trở lại dẫn đầu phẩm Phương Tiện nói: “Phật dùng sức phương tiện chỉ bày dùng tam thừa giáo”. Cho nên, Chương An thuận với giải thích này. Thế nên, người xưa lập nghĩa chọn dụng thật khó. “Có người...”: Nói thập nhị bát vạn: Chỉ là mười hai bộ tám vạn tạng thôi! “Riêng cho rằng... chẳng phải nghĩa khai thị”: Ấn sư theo Long Thọ, Long Thọ theo Viễn sư. Nghĩa này Ấn sư đã dùng giáo thân hai thứ phương tiện, cho nên biết phá người kia trộm nghĩa của hai sư Long, Ấn và đem phá nghĩa để giải thích khai môn, đâu có khác đối với nghĩa của Quang Trạch ư? Cho nên lược phá. Tuy dùng giáo thân lại tránh né hội nhập hai.

“Hỏi: Phương tiện đương thế...”: Riêng giả thiết đây hỏi muốn nêu sau đáp, riêng trong Đáp: đầu tiên chánh nêu ra hai môn, tiếp “Hai môn này...”: là giải thích hai môn, trong đó đều có hai nghĩa khai bế (mở, đóng). Nói “đương thế”: Chưa có sở thông căn cứ thế ngoại mà nói. Lại do đương giáo có thể nhập, gọi là “môn”. Nếu nói “làm thật

tướng môn” thì căn cứ năng thông đến thật tướng để nói. Dẫn “tính hạt cát, quán biển”: “tính hạt cát” như Thích Tiêm quyển bốn nói. “Quán biển”: Tức kinh Hoa Nghiêm tân dịch quyển sáu mươi bảy nói: “Có thành tên là Lôu-Các, trong đó có thuyền sư tên Bà-đà-la nhóm tập các thương nhân, vì họ thuyết pháp môn nhất thiết hải”. “Hai môn này đều có khai bế”: Năng thông đương thể, pháp thể không sai biệt. Theo nay và xưa mà nói, nên xưa bế (đóng) nay khai (mở), thật tướng cũng vậy. Trong đó trước nêu đương thể, tiếp nêu năng thông hai nghĩa đều đối chân thật để nói, vì thật tướng cũng có đương thể năng thông hai nghĩa. Trong đương thể tuy cũng gọi là môn, nhưng đối thật còn đóng nên cần phải nêu khai. Nhưng chỉ vì nói Ba là phương tiện, cho nên phải nói Một là chân thật, tương đối luận vậy. “Hai là...” tiếp giải thích năng thông, tức vì thật làm môn. Căn cứ bản ý Phật đều là năng thông, căn cứ cơ duyên chúng sinh thì có hai điều giải thích: Các độn Bồ-tát cũng có năng biết ba giáo năng thông, chỉ vì trước Pháp Hoa thì cơ chưa hợp, cho nên tại xưa đều “bế”, tại nay đều “khai”, cho nên cũng cùng thật đối biện. Lẽ nào năng thông phương tiện khai. Thật tướng còn đóng phương tiện vẫn đóng mà chân thật được khai?! Đây giải thích đồng với Hà Tây. Thật tướng cũng có hai: Trước chỉ có thẳng đối phương tiện, cho nên nay tùy luận, đồng với phương tiện, cho nên nói “cũng”.

1) “Hư thông”: Giải thích thật đương thể làm môn, không ngại gọi là “hư”, không bí lấp gọi là “thông”, cho nên được toàn thể thành tựu năng thông môn, bao hàm thọ lãnh tất cả không gì ngăn cách, được gọi là “môn”. Biến khắp tất cả mọi nơi đều là môn. Vậy thì căn cứ thật không thông mà thông, cho nên nói “bất nhị” và dùng pháp giới. Pháp giới tức môn, gọi là pháp giới môn, không đồng tính hạt cát đương thể môn.

2) “Năng thông phương tiện làm môn”: Khiến phương tiện đến thật, cho nên gọi là năng thông. Nếu chẳng phải lực thật tướng thì phương tiện không do đâu mà được khai, cho nên biết chỉ Nhất thật, lý từ hai được tên. Do hư thông cho nên khiến người khác qui về như tha thân thể trói, thì bao nhiêu nguyên nhân tội đều bỏ. Ý của “Lưu Cầu”: Câu đầu chính nêu chân thật vì phương tiện làm môn, câu tiếp nêu ba phương tiện vì chân thật làm môn. “Nói chẳng phải ba...”: là nêu hai môn xen nhau khai, cho nên Lưu Cầu đều cùng ý riêng giải thích xứng hợp, chỉ lời nói lược, ý chìm ẩn, tôn chỉ kinh khó hiển bày.

“Có người nói...” Người khác lập ba chương môn xen nhau làm phương tiện “xen nhau làm môn”. Nếu so với nhà chú giải thì lời kia rất

phiền, lý kia hỗn loạn. Tuy nhiên, nhiều nói ít thật không bằng giữ một. Trong đó trước là liệt nêu, tiếp, “Như dùng...”: là giải thích. Đây là trong giải thích phẩm Phương Tiện, thêm ý tam chuyển của nhà giải thích năm thời bên trên; chỉ lại thêm xen lẫn làm môn là khác. Chỉ giải thích chương đầu, hai chương còn lại chỉ liệt nêu. Ý chương đầu: Quyền bị tình lấp, nay đã khai quyền cho nên nói “thông”. Thật vốn chẳng có ba, vì vật nên nói ba, nên nói “khởi”. “Cho đến...”: hai thứ còn lại theo lệ. Trong đó trước làm lệ mẫu, tiếp “Chỉ không được...”: là nói văn ý thông tắc. Nếu muốn trình bày nêu thứ hai theo lệ, như dùng ba, một môn làm môn phi ba phi một. Do đạt ba, một thông đến song phi, tức dùng ba, một làm song phi. Do song phi cho nên khởi ba, một. Cho nên phi ba, phi một làm môn ba, một. Thứ ba chuẩn theo lệ cũng có thể thấy.

Nói thông tắc: Nếu năng thông năng khởi thì có thể xen nhau luận môn, chỉ vì không không được dùng một làm quyền, lấy ba làm thật, dùng văn Thắng Man thì chẳng phải ý này. Hai chương dưới cũng vậy, chỉ được lại xen nhau làm môn. Tiếp, riêng trong phá thì chỉ phá chương đầu, hai chương còn lại cũng theo lệ ở trong chương đầu. Chỉ phá ba làm một môn, chưa phá một làm ba môn. Văn đầu có hai lớp, đầu phá nghĩa môn, tiếp dùng nghĩa “không phải nhân” để phá. Đầu nghĩa môn: Câu đầu quyết định trong đó chỉ là câu ba thông một, phá nghĩa môn kia chỉ vì không thông mà lấp, tức tùy tự nó chẳng phải môn. Cũng nên lại nói nếu kia thông thì xưa sao không thông mà để đến nay ư? Xưa không thông thì xưa không phải môn. “Nếu khai...”: đến nay tức khai. Khai rồi thì chẳng phải ba, tại sao được dùng ba làm một là môn? Rõ ràng người khác không biết thể nội thể ngoại, cho nên cần phải phá. Căn cứ bản ý Phật vốn là thông một, cho nên khi chưa khai thì xưa nay là môn. Kia chưa nói khai, mà nói là môn, vì vậy cần phải phá. Cho nên biết ba làm một môn còn tự không thể, thì một làm ba môn tại sao đợi biệt phá? Nếu vậy thì vì sao kinh nói khai phương tiện môn ư?

Đáp: Nếu từ ý này thì môn tuy chưa khai nhưng có nghĩa có thể khai, cũng được gọi là môn. Như vốn là cửa thì khi đóng, lẽ nào không phải cửa? Chỉ gọi bế môn, khai rồi không có ba, tại sao ngại từ xưa lấy ba làm môn. “Lại, Ba chẳng phải nhân Phật”: là phá ý đồng trước. Nếu chưa khai, thì Biệt còn chẳng phải nhân. Nếu kia khai rồi thì tán tâm vẫn phải. Tiếp, theo lệ phá hai thứ còn lại, dựa theo cái thứ nhất nên biết. “Vân vân”: là hoặc dựa theo phá chương đầu, nửa chương tiếp cho rằng thật là quyền môn và hai chương dưới. Phiền toái nghĩa mỏng không thể thuật đủ, người khác đã phá, bản thân dựa vào nay bèn có

thể lại lập hai câu, phá người khác đã hoại, lập nghĩa tự thành, đầy đủ như trước giải thích.

“Hỏi: Phương tiện...”: Nay thiết lập hỏi đây là muốn khai đầu mỗi nghĩa của bốn câu kia, nên Sư nay nói vấn trước tự có hai câu, thì lại được làm hai câu còn lại hay không? “Đây có...”: là đáp: có đủ bốn câu, hai câu sau lý không có hướng khác, chỉ nương danh nghĩa trình bày giải thích tương câu, trong đó trước chỉ hai câu trước, tiếp nêu hai câu sau.

“Như danh...”: Tiếp dẫn theo lệ giải thích. Trước liệt kê danh, nghĩa. “Do phương tiện...”: tức theo lệ giải thích. Nghĩa là ý chỉ dưới danh, cho nên được xen nhau làm môn. Trong đó, trước giải thích phương tiện, tiếp, “Thật tướng...”: chỉ dùng theo lệ giải thích. Trước theo lệ, tiếp “Tựa của Trung luận...”: là dẫn chứng. Thật danh thật nghĩa lại xen nhau làm môn. Thật là nghĩa, Trung là danh (tên), cho nên nương danh Trung để hiển nghĩa Trung, tức danh ấy làm nghĩa môn. Văn chỉ nêu một bên. Cũng lại nên nói: cũng do thật nghĩa năng ứng danh Trung, vì danh chẳng thật không thể lập. Cho nên, nêu thật để dẫn.

“Hỏi: Có được dùng tam hiển tam...?”: Phương tiện chân thật chỉ là tam, nhất. Phương tiện chân thật đã làm bốn câu, thì tam, nhất cũng lệ theo có hai câu sau ư? “Đây cũng...”: là đáp. Nói hai như trước là ba làm một môn như dùng tam hiển nhất; một làm ba môn như dùng nhất hiển tam. “Dùng tam hiển tam...”: là giải thích hai câu sau, hai câu trước đã dùng tam, nhất, vọng nơi quyền thật danh nghĩa tương hiển. Nếu hai câu sau, thì trước tuy danh nghĩa tương đối nghĩa lập, nay không được dùng danh nghĩa để giải thích, chỉ dùng pháp thể tương đối giải thích. Trong đó có ba phần:

- 1) Đối giải thích.
- 2) “Tam, nhất đã không...”: là chánh phân biệt kết.
- 3) “Do nhân duyên...”: là tu tánh tương hiển.

Phần một lại có hai: Nêu và giải thích, đầu văn chỉ nêu một câu lược không nêu dùng Nhất hiển một câu. “Nói xưa...”: là giải thích trong đó đầy đủ bao hàm hai câu lại có hai: Trước nêu phi. Tiếp “Phá bệnh này...”: là chánh giải thích. Trước nêu phi: Nhờ khai hiển thuyết, phá xưa nay sai khác. Trong đó đầu nêu tương phi, đây còn không được tam, nhất xen nhau thông, hướng năng dùng tam thông tam dùng nhất hiển nhất. “Cho nên nhất...”: là kết phi. Nói Nhất phi tam, nhất...: Do tam, nhất kia đã không tương tức, nếu không khai thì tương hiển không thành cho nên một không phải một của ba nhà; ba không phải ba của một nhà. Tiếp “Phá bệnh này...”: y kinh này chánh giải thích. Trước dẫn

nhất Phật thừa phân biệt nói ba, chứng tức ba của một. Tiếp, dẫn: “Sở hành của các ông là Bồ-tát đạo”, chứng tức một của ba, tức là một thiết lập ba, một của ba, chính là ba, một của khai tam hiển nhất. Câu trước hướng đến xưa cho nên nói “phân biệt thuyết tam”, câu tiếp hiển nay cho nên nói là “Bồ-tát đạo”. Xưa giáo chưa nói nên ba, một còn ngăn cách, không nói tương hiển là một; ba, một là ba, một. Do nay nói đã là ngoài một thì không có ba, đây ba là ba của một nhà, tức là do xưa ngoài một thì là ba hoàn toàn thành ba của một nhà cho nên nói “dùng tam hiển tam”. Đã khai thành một, ba ngoài ra không có một, lại là một của ba nhà, tức là do xưa ngoài ba thì là một hoàn toàn thành tức một của ba, nên nói “dùng nhất hiển nhất”. Cho nên biết do ba của thể ngoại, hiển tức một là ba; do ngoài ba là một cho nên hiển tức ba là một.

“Tam, nhất đã không...”: là phán xét kết. “Muốn khai...”: văn nhân duyên tam, nhất, cho nên trước phán xét. Nói “Tam - nhất đã không khác nhau”: phán xét trước khai hiển toàn thuộc nhân duyên. Nói “nhân duyên”: Chỉ là cảm ứng hóa nghi, cũng gọi là “tu đắc”.

“Do nhân duyên...”: là tu tánh hợp biện. Tự tánh: Tức là tánh đức, cho nên tánh đức ba, một. Tuy lại vốn có phi tu, phi tác mà chính do nhân duyên tức ba mà một. Năng hiển tánh đức tức một của ba. Lại, do tánh đức tức ba mà một; năng thành nhân duyên tức một của ba, cũng do nhân duyên tức ba của một, mới hiển tánh đức ba trong một. Lại do tánh đức ba trong một, năng thiết lập nhân duyên tức ba của một. Vậy thì, nhân duyên tức một của ba, hiển tự tánh tức một của ba gọi là “dùng nhất hiển nhất”. Do nhân duyên tức một mà ba, hiển tự tánh tức một mà ba; gọi là “dùng tam hiển tam”. Dùng tánh hiển duyên, căn cứ nói có thể biết. Trong văn kết bên dưới thì ba một xen nhau nêu ra. Dùng xen lẫn để hiển không xen lẫn. Dùng tam hiển tam chỉ là dùng tam hiển nhất; dùng nhất hiển nhất chỉ là dùng nhất hiển tam. Tuy nhân giải thích ngại với tận căn nguyên nghĩa Diệu mà tìm được giáo môn một nhà. Nếu mê lầm ý đây thì luống phí tâm thần.

“Dẫn mười lăm chỗ để nêu rõ môn”: Tuy liệt kê đầu số cũng lại không biết thế nào là phải khai. Thế nào là đã khai, môn tướng như thế nào? Như kia không phân biệt luống công nêu ra số có ích lợi gì? Căn cứ ý văn nay nói mười lăm chỗ, trong cửa chỉ là phương tiện đều cần phải khai đầy đủ như tùy văn giải thích, trong đó có trái giải thích nay cũng nên phá. Như dẫn “phẩm Phương Tiện, trí tuệ làm môn”. Đây là đồng thể quyền trí, sao được nói là thật làm môn? Tiếp, “chủng chủng môn”, đây là quyền môn mà chỉ nói Đại thừa giáo ư? Tiếp “Chỉ có một

cửa...”: không chuyên ở giáo. “Cửa bị thiêu cháy, căn cứ giới hạn tam giới”, thì đâu có thể chỉ nói từ giới hạn cõi này ra? Tiếp, “Xe tại ngoài cửa, nói tam giới”: Phá cũng đồng trước. Tiểu giáo làm môn thì chưa phán xét thiêu... Đứng ở ngoài cửa phân làm hai giải thích: Nói chánh tập tận chỉ tại ý thông, cửa bên nếu lớn thì lẽ ra đã tắc đại, “Còn ở ngoài cửa, cũng như trước” là cùng hai giải thích trước đều không tương ứng. Trong cửa như trước: Ý cùng trước đứng ngoài cửa ý đồng. Trước ở ngoài hai cửa tử, nay không thể ở trong hai cửa tử. Mở cửa cam lồ nói Đại tiểu: Là văn nói mười phương Phạm thính, hoặc đang như đây. Không biết nay Đại tiểu giáo ở chỗ nào ư! Nay văn ý: Vốn vì khai môn không vì số môn, vốn là giải môn không vì biết số. Hoặc như số mà chọn lược, chọn lược rồi khai số thì cũng đâu có lỗi.!

“Xưa nói nhất thiết thế gian...”: Lại dẫn ý căn giải thích ý khai hiển, là khai các môn số của người xưa, giúp sinh đối với xưa còn chẳng phương tiện, đối nay hiển rồi đều là chân thật, hưởng lại tam thừa ngũ thừa...ư! Hoặc môn hoặc phi môn: Phi môn nghĩa là lý giáo Tiểu thừa sắc hương giúp sinh..., là môn tức Biệt giáo nhị quán làm phương tiện. Từ đầu nói cho nên có môn phi môn, đối nay tất cả đều là cách thông. Khuyên tu: Trú nơi ba pháp vẫn khuyên tâm không biếng nhác song sau mới nói, cho nên biết đây là hai vị đầu trong Quán hạnh vị vậy. Thế nên, khuyên hoằng Viên kinh để lợi người khác, công hóa độ trở về mình, đến Tương tự vị, tùy ý vận dụng Diệu âm đầy khắp tam thiên, thì không phải đợi khuyên. Ở trong đó ba pháp tương vọng danh đều đủ ba: Đầu, nêu từ bi. Tiếp, ”Nếu căn cứ...”: nêu trong một đầy đủ ba: “Tu Như Lai...”: nêu nhu hòa. Tiếp “Nếu cứ...”: nêu trong một đầy đủ ba. “Nếu có thể ngồi...”: là không nêu mà thẳng nêu rõ ba trong Bát-nhã, tuy lại mỗi đầy đủ mà chỉ là một, ba. Ba còn chẳng phải ba, đâu thể tách lìa làm chín! Vậy thì Bồ-tát thường quán Niết-bàn nên khuyên người hoằng kinh mà thường quán đó. Mong người hoằng kinh quán mà hoằng đó. Nếu không quán tâm năng hoằng thì đâu hiểu lý sở hoằng, cho nên đức Phật dạy vào nhà ta mặc áo ta, ngồi tòa ta. Nếu không có ba pháp thì sao gọi là hoằng kinh? “An Lạc Hạnh...”: là dẫn phẩm dưới văn đồng. Có lợi ích thế nên khuyên người hoằng kinh y theo phương pháp. “Văn trên...”: là dẫn văn trên giải thích thành. “Năm việc”: Như trước trong lợi ích liệt kê năm việc: Thứ nhất sai người hóa v.v...

